

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

2. Ông Hoàng Xuân Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1974. Nơi cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979. Nơi cư trú cuối cùng: phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện H1, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 22/6/1998. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng tính cách và quan điểm sống, bà T không có trách nhiệm với gia đình, nợ nần nhiều nên từ năm 2013 bà T đã bỏ đi khỏi địa phương và đi đâu thì ông và gia đình hai

bên không biết, bà T cũng không để lại địa chỉ liên lạc. Ngày 26/10/2021 Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 13/2021/QĐST-DS tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất tích. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thị Hoài T1, sinh ngày 05/10/1998 và Trần Bích N, sinh ngày 20/11/2004; hiện các con đang ở với ông. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp cháu N vì ông có công việc, nơi ở, thu nhập ổn định; ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Bà T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho ông H ly hôn với bà T vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung tên Trần Bích N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà T có nơi cư trú cuối cùng tại phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thực tế qua xác minh chính

quyền địa phương cho biết bà T, ông H thường xuyên cãi vã, tranh chấp, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2013. Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố bà T mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 13/2021/QĐST-DS ngày 26/10/2021. Nên áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[4]. Ly hôn ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Bích N, sinh ngày 20/11/2004. Xét cháu N hiện do ông H trực tiếp chăm sóc và có nguyện vọng ở với bố; ông H có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, chấp nhận yêu cầu của ông H giao cháu N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Con chung tên Trần Thị Hoài T1, sinh ngày 05/10/1998 hiện đã thành niên và không thuộc trường hợp cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Ông H trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định nợ chung không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Bích N, sinh ngày 20/11/2004 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005050 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND X. H, H. H1, T. Nghệ An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân

dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Huế

Ông Hoàng Xuân Ty

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn ông Trần Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Ty: Thực trạng hôn nhân giữa ông H và bà T thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đã bỏ đi khỏi địa phương và Tòa án đã tuyên bố bà T mất tích. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà T là có cơ sở.

Ý kiến hội thẩm Huế: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Ty, ngoài ra bổ sung thêm ý kiến giao con chung tên Trần Bích N, sinh ngày 20/11/2004 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của hai hội thẩm.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 29 tháng 8 năm 2022. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc